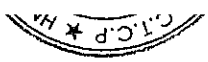


CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỎ ĐỨC THÀNH
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

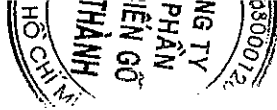
CHO KỲ KÊ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2009



Tháng 10 năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	3
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	4 - 5
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 14



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tài ngày 30 tháng 09 năm 2009

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	30/09/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.551.135.146	76.885.901.287
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	15.049.575.955	4.179.700.144
1. Tiền	111		15.049.575.955	4.179.700.144
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.047.678.993	29.779.023.597
1. Phải thu khách hàng	131		8.411.829.534	6.155.102.021
2. Trả trước cho người bán	132		25.418.620.276	22.273.190.699
3. Các khoản phải thu khác	135		4.217.229.183	1.350.730.877
III. Hàng tồn kho	140	5	28.505.679.252	39.086.255.067
1. Hàng tồn kho	141		28.505.679.252	39.086.255.067
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.948.200.946	3.840.922.479
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.667.109.697	1.471.444.521
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.977.235.860	2.144.420.270
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.303.855.389	225.057.688
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.041.262.151	85.383.064.334
I. Tài sản cố định	220		80.591.522.266	85.013.324.449
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	41.256.138.560	43.959.350.706
- Nguyên giá	222		70.367.572.698	69.895.147.843
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.111.434.138)	(25.935.797.137)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	9.015.055.539	9.156.873.597
- Nguyên giá	228		10.737.987.913	10.737.987.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.722.932.374)	(1.581.114.316)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	30.320.328.167	31.897.100.146
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		60.000.000	60.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		60.000.000	60.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		389.739.885	309.739.885
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	80.000.000	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	309.739.885	309.739.885
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		169.592.397.297	162.268.965.621

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

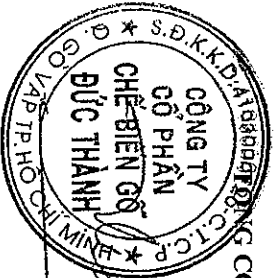
Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	30/09/2009		31/12/2008	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		41.185.221.479		48.543.604.409	
I. Nợ ngắn hạn	310		39.787.173.979		47.023.504.409	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	19.185.840.262		25.905.323.928	
2. Phải trả người bán	312		4.202.531.176		7.812.724.119	
3. Người mua trả tiền trước	313		1.844.883.831		2.862.519.932	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	6.777.601.023		4.261.393.110	
5. Phải trả người lao động	315		1.940.662.500		1.697.181.061	
6. Chi phí phải trả	316		5.480.647.080		4.349.484.259	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		355.008.107		134.877.946	
II. Nợ dài hạn	330		1.398.047.500		1.520.100.000	
1. Vay và nợ dài hạn	334					
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.398.047.500		1.520.100.000	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	13	128.407.175.818		113.725.361.212	
I. Vốn chủ sở hữu	410		126.477.582.774		112.446.460.801	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		103.723.650.000		103.723.650.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.767.493.370		2.767.493.370	
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.410.663.671		2.410.663.671	
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.703.794.451		1.703.794.451	
5. Cổ phiếu quỹ	419		(143.450.000)		(50.350.000)	
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.015.431.282		1.891.209.309	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.929.593.044		1.278.900.411	
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.929.593.044		1.278.900.411	
	440		169.592.397.297		162.268.965.621	



Lê Hải Liễu
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương Huyền
Kế toán trưởng

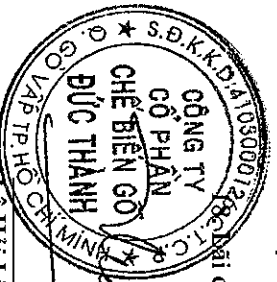
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	30/09/2009	31/12/2008
1. Doanh thu bán hàng	01		128.419.235.110	161.714.896.691.
2. Các k hoàn giảm trừ	02		(87.746.788)	(20.250.880)
3. Doanh thu thuần từ bán hàng	10		128.331.488.322	161.694.645.811
4. Giá v ốn hàng bán	11		(86.747.847.911)	(122.885.615.102)
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng	20		41.583.640.411	38.809.030.709
6. Doanh t hu hoạt động tài chính	21	14	917.794.780	2.370.670.737
7. Chi p hí hoạt động tài chính	22	15	(1.353.205.426)	(2.261.780.498)
8. Chi p hí bán hàng	24		(4.355.955.275)	(6.063.859.860)
9. Chi p hí quản lý doanh nghiệp	25		(8.048.194.174)	(10.113.106.293)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		28.744.080.316	22.740.954.79522
11. Thu nhập khác	31		690.623.307	1.103.395.841
12. Chi phí khác	32		(187.520.324)	(149.286.648)
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác	40	16	503.102.983	954.109.193
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.247.183.299	23.695.063.988
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	(6.434.380.326)	(4.919.374.651)
16. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	17		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.812.802.973	18.775.689.337
	70	18	2.202	2.527



Lê Hải Liễu
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương Huyền
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

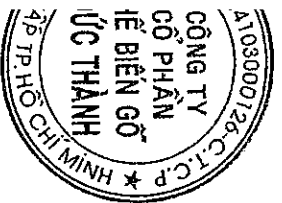
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	30/09/2009	Cả năm 2008
----------	-------	------------	-------------

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.247.183.299	23.695.063.988
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.317.455.059	4.405.080.803
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(354.536.868)	349.827.149
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	39.045.942	(721.356.341)
Chi phí lãi vay	06	432.741.702	783.267.688
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.681.889.134	28.511.883.287
Tăng các khoản phải thu	09	(10.942.312.687)	14.006.024.121
Tăng hàng tồn kho	10	10.580.575.816	(9.886.383.370)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.194.612.355)	4.076.671.702
Tăng chi phí trả trước	12	(246.335.998)	911.907.118
Tiền lãi vay đã trả	13	(432.741.702)	(783.267.688)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.150.766.873)	(4.880.099.872)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(387.623.675)	(2.681.050.284)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.908.071.659	29.275.685.014



II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(998.938.054)	(33.655.955.150)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	64.800.001	72.727.273
3. Tiền lãi ngân hàng	27	124.010.991	670.566.363
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(810.127.062)	(32.912.661.514)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Nhận vốn góp từ chủ sở hữu	31		5.268.000.000
2. Chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(72.500.000)	
2. Tiền vay nhận được	33	42.454.803.329	58.471.692.672
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(49.174.287.049)	(32.566.368.813)
4. Chi trả cổ tức	36	(7.562.765.000)	(38.918.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.354.748.720)	(7.744.676.141)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

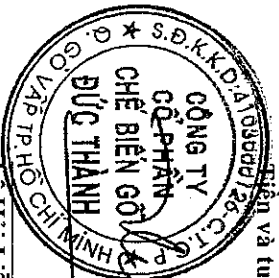
Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09 - DN

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ

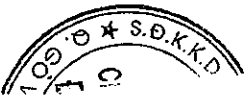
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ

50	(10.743.195.877)	(11.381.652.641)
60	4.179.700.144	15.858.181.613
61	(126.679.934)	(296.828.828)
70	<u>15.049.575.955</u>	<u>4.179.700.144</u>



Lê Hải Liền
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương Huyền
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃU B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2000, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2009 là 960 người (năm 2007: 1.041 người, năm 2008: 1.073 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm đồ gỗ gia dụng, cán chổi, cán cò, ván ghép và đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

GHỊ CHỮ BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mẫu B 09 - DN

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2009
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	4 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 9

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

GHI CHÚ BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09 - DN

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/9/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	58.582.247	337.722.618
Tiền gửi ngân hàng	14.990.993.708	3.841.977.526
Các khoản tương đương tiền	-	-
	<u>15.049.575.955</u>	<u>4.179.700.144</u>

5. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	24.033.820.664	27.737.339.212
Công cụ, dụng cụ	330.839.755	279.489.977
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	177.465.612	7.631.449.429
Thành phẩm	3.929.850.110	2.141.493.164
Hàng gửi đi bán	33.703.111	1.296.483.285
	<u>28.505.679.252</u>	<u>39.086.255.067</u>

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 31/12/2008	30.798.211.982	34.377.220.444	3.059.955.144	1.659.760.273	69.895.147.843
Tăng trong quý Chuyển từ chi phí XDCB dở dang		459.879.400		41.874.633	501.754.033
Thanh lý Tại ngày 30/09/2009	30.798.211.982	34.837.099.844	3.059.955.144	1.672.305.728	70.367.572.698
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 31/12/2008	(5.273.044.061)	(17.840.084.180)	(1.521.900.108)	(1.300.768.788)	(25.935.797.137)
Khấu hao trong kỳ	(916.116.301)	(1.980.166.208)	(171.430.938)	(107.923.554)	(3.175.637.001)
Thanh lý Tại ngày 30/09/2009	(6.189.160.362)	(19.820.250.388)	(1.693.331.046)	(1.408.692.342)	29.111.434.138
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/09/2009	24.609.051.620	15.016.849.456	1.366.624.098	263.613.386	41.256.138.560
Tại ngày 31/12/2008	25.525.167.921	16.537.136.264	1.538.055.036	358.991.485	43.959.350.706

GHI CHÚ BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2008	10.623.823.333	114.164.580	10.737.987.913
Tăng trong năm			
Chuyển từ chi phí XD CB dở dang			
Tại ngày 30/09/2009	10.623.823.333	114.164.580	10.737.987.913
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 31/12/2008	(1.523.009.938)	(58.104.378)	(1.581.114.316)
Khấu hao trong năm	(125.000.001)	(16.818.057))	(141.818.058)
Tại ngày 30/09/2009	(1.648.009.939)	(74.922.435)	(1.722.932.374)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/09/2009	8.975.813.394	39.242.145	9.015.055.539
Tại ngày 31/12/2008	9.100.813.395	56.060.202	9.156.873.597
Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 09 năm 2009 bao gồm:			
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn có giá trị còn lại là 2.100.813.399 đồng (2007: 2.100.813.399 đồng; 2008: 2.100.813.399 đồng); và			
- Quyền sử dụng đất có thời hạn có giá trị còn lại là 6.916.666.662 đồng (2007: 7.166.666.664 đồng; 2008: 6.999.999.996 đồng) và được khấu hao trong suốt 45 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2005.			

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/09/2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	31.897.100.146	23.555.454.494
Tăng/giảm trong năm	(1.576.771.979)	8.838.082.931
Kết chuyển sang tài sản cố định		(496.437.279)
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	30.320.328.167	31.897.100.146

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí xây dựng Nhà máy Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương là 24.701.856.549 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

GHI CHÚ BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/09/2009	2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 1 tháng 1		
Tăng trong kỳ	80.000.000	1.468.792.149
Phân bổ vào chi phí & kết chuyển trong năm		(1.468.792.149)
Tại ngày 30 tháng 09	<u>80.000.000</u>	<u>-</u>

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/09/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay và nợ ngắn hạn		
	<u>19.185.840.262</u>	<u>25.905.323.928</u>
Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay theo hợp đồng tín dụng bổ sung vốn lưu động từ Vietcombank và Eximbank.		

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoàn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	222.283.098	87.456.787	309.739.885
Chuyển sang lợi nhuận/(lỗ) trong quý			
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009	<u>222.283.098</u>	<u>87.456.787</u>	<u>309.739.885</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/09/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.434.380.326	4.124.168.502
Thuế thu nhập cá nhân	278.409.373	137.224.608
Thuế khác	64.811.324	
	<u>6.777.601.023</u>	<u>4.261.393.110</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư, phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Cộng VNĐ
Tại ngày 31/12/2008	103.723.650.000	2.767.493.370	(50.350.000)	2.410.663.671	1.703.794.451	1.278.900.411	1.891.209.309	113.725.361.212
Chi trả cổ tức							(7.562.765.000)	(7.562.765.000)
Lợi nhuận trong kỳ							22.812.802.973	22.812.802.973
Trích các quỹ từ lợi nhuận								
(*)						1.125.816.000	(1.125.816.000)	-
Mua lại cổ phiếu của công nhân viên			(93.100.000)					(93.100.000)
Chi khác						(1.818.959.367)		(1.818.959.367)
Thu khác						1.343.836.000		1.343.836.000
Tại ngày 30/06/2009	103.723.650.000	2.767.493.370	(143.450.000)	2.410.663.671	1.703.794.451	1.929.593.044	16.015.431.282	128.407.175.818

(*) Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6 tháng đầu năm 2009.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Vốn điều lệ

Thực hiện theo nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22 tháng 3 năm 2008 và ngày 1 tháng 12 năm 2008, Công ty đã tiến hành bán ưu đãi cổ phiếu cho công nhân viên và phát hành cổ phiếu thường (theo tỷ lệ 10:4) tăng vốn điều lệ của Công ty từ 71.466.900.000 đồng lên 103.723.650.000 đồng. Tái ngày 31 tháng 12 năm 2008, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới của công ty đã được phê duyệt bởi Bộ Kế Hoạch Đầu Tư vào ngày 9 tháng 1 năm 2009.

Cổ phiếu

	30/09/2009	31/12/2008
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	10.372.365	10.372.365
<i>Cổ phiếu thường</i>	10.372.365	10.372.365
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	14.345	5.035
<i>Cổ phiếu thường</i>	14.345	5.035
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.358.020	10.367.330
<i>Cổ phiếu thường</i>	10.358.020	10.367.330
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

14. THU NHẬP TÀI CHÍNH

	30/09/2009	2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	124.010.991	670.566.363
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	793.783.789	944.457.525
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		174.918.832
Lãi do bán ngoại tệ	-	580.728.017
	<u>917.794.780</u>	<u>2.370.670.737</u>

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	30/09/2009	2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	432.741.702	783.267.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	920.463.724	953.766.829
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		524.745.981
	<u>1.353.205.426</u>	<u>2.261.780.498</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ich, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

GHI CHÚ BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	30/09/2009	2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	72.727.273
Thu bán phế liệu	152.608.635	540.288.388
Các khoản thu nhập khác	538.014.672	490.380.180
Thu nhập khác	690.623.307	1.103.395.841
Gia trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	(21.937.295)
Chi phí khấu hao của tài sản cố định không sử dụng	-	(107.322.163)
Các khoản chi phí khác	-	(20.027.190)
Chi phí khác	(187.520.324)	(149.286.648)
Lợi nhuận/(lỗ) khác	<u>503.102.983</u>	<u>954.109.193</u>

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	30/09/2009	2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	29.247.183.299	23.695.063.988
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	458.974.574
Thu nhập chịu thuế	29.247.183.299	24.154.038.562
Mức thuế suất thông thường	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất thông thường	7.311.795.825 (877.415.499)	6.763.130.797 (1.729.279.696)
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm	6.434.380.326	5.033.851.101
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	(114.476.450)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (ghi chú 11)	<u>6.434.380.326</u>	<u>4.919.374.651</u>

9 tháng đầu năm /2009, Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất 22% và sẽ tính lại số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm vào cuối năm.

18. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	30/09/2009	2008
Lợi nhuận sau thuế	22.812.802.973	18.775.689.337
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.812.802.973	18.775.689.337
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.358.020	7.429.133
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.202</u>	<u>2.527</u>